ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ BA VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-UBND	*Ba Vinh, ngày tháng 11 năm 2026*

BÁO CÁO
Kết quả rà soát, thống kê các chính sách có đối tượng thụ hưởng trực tiếp trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại xã Ba Vinh

Thực hiện Công văn số 2348/SDTTG-DT ngày 20/10/2026 của Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Quảng Ngãi về việc triển khai rà soát, thống kê chính sách thực hiện trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; trên cơ sở báo cáo của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn, Ủy ban nhân dân xã Ba Vinh báo cáo kết quả như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Xã Ba Vinh có 06 thôn: Ba Lang, Nước Y, Làng Tương, Gò Nghênh, Ba Sơ, Cao Muôn. Theo kết quả phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị định số 272/2025/NĐ-CP, xã Ba Vinh tiếp tục thuộc xã khu vực III; trên địa bàn xã còn 03 thôn đặc biệt khó khăn (Ba Sơ, Nước Y, Cao Muôn), 03 thôn không còn là thôn đặc biệt khó khăn (Ba Lang, Làng Tương, Gò Nghênh).

Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã đang thực hiện chính sách có đối tượng thụ hưởng trực tiếp gồm: Trường Mầm non Ba Vinh, Trường TH&THCS Ba Vinh, Trạm Y tế xã và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT CÁC CHÍNH SÁCH

1. Các chính sách đang thực hiện trên địa bàn

(Không bao gồm các chính sách thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia)

a) Nhóm chính sách hỗ trợ trẻ em, học sinh

- Chính sách học phí, miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 (thực hiện đến năm học 2024 - 2025) và Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ; mức hỗ trợ chi phí học tập 150.000 đồng/tháng/học sinh, trẻ em.

- Chính sách hỗ trợ học sinh bán trú, trẻ em nhà trẻ theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP và Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ (hỗ trợ tiền ăn 936.000 đồng/tháng, tiền ở 360.000 đồng/tháng đối với học sinh bán

trú; hỗ trợ tiền ăn trưa 360.000 đồng/tháng đối với trẻ em nhà trẻ; hỗ trợ cơ sở giáo dục).

- Chính sách đối với trẻ em mẫu giáo theo Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BGDĐT ngày 14/7/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (hỗ trợ ăn trưa, hỗ trợ kinh phí nấu ăn) và Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 218/2025/QH15 về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi (phát sinh từ năm 2026).

b) Nhóm chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

Thực hiện theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ, gồm: phụ cấp thu hút, phụ cấp công tác lâu năm, trợ cấp một lần khi chuyển công tác; phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên y tế công tác tại xã khu vực III.

2. Kết quả thực hiện năm 2025 và năm 2026

Tổng kinh phí thực hiện năm 2025 là 10.972.551.886 đồng, trong đó: nhóm chính sách hỗ trợ trẻ em, học sinh 3.869.497.000 đồng; nhóm chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức 7.103.054.886 đồng.

Tổng kinh phí thực hiện năm 2026 là 14.112.969.703 đồng, trong đó: nhóm chính sách hỗ trợ trẻ em, học sinh 4.329.596.740 đồng; nhóm chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức 9.783.372.963 đồng.

Kết quả theo từng đơn vị như sau:

ĐVT: đồng

TT	Đơn vị	Năm 2025	Năm 2026	Tăng (+)/ giảm (-)
1	Trường Mầm non Ba Vinh	2.404.362.321	3.211.294.600	+806.932.279
2	Trường TH&THCS Ba Vinh	8.354.248.045	9.557.971.699	+1.203.723.654
3	Trạm Y tế xã Ba Vinh	0	1.130.492.624	+1.130.492.624
4	Ủy ban MTTQ Việt Nam xã	213.941.520	213.210.780	-730.740
	Tổng cộng	**10.972.551.886**	**14.112.969.703**	**+3.140.417.817**

(Chi tiết đối tượng, điều kiện, mức hỗ trợ, số lượng đối tượng và kinh phí theo Biểu số 01 kèm theo)

3. Tác động của kết quả phân định theo Nghị định số 272/2025/NĐ-CP

- Số đối tượng tiếp tục được hưởng chính sách: toàn bộ các đối tượng đang thụ hưởng chính sách trên địa bàn xã tiếp tục được hưởng do xã Ba Vinh vẫn thuộc xã khu vực III giai đoạn 2026 - 2030.

- Số đối tượng không còn thuộc diện hưởng: không có. Mặc dù 03 thôn (Ba Lang, Làng Tương, Gò Nghênh) không còn là thôn đặc biệt khó khăn, nhưng các chính sách đang thực hiện có điều kiện địa bàn là thôn đặc biệt khó khăn hoặc xã khu vực III nên đối tượng tại các thôn này vẫn đáp ứng điều kiện thụ hưởng.

- Số đối tượng phát sinh do kết quả phân định: không có.

- Mức tăng, giảm kinh phí do kết quả phân định: không phát sinh. Kinh phí năm 2026 tăng so với năm 2025 là do các nguyên nhân khác: (1) Nghị định số 238/2025/NĐ-CP điều chỉnh mức học phí và mở rộng đối tượng miễn học phí; (2) Nghị định số 277/2025/NĐ-CP phát sinh các chính sách mới đối với trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi; (3) Nghị định số 66/2025/NĐ-CP nâng mức hỗ trợ tiền ở cho học sinh bán trú; (4) biến động số lượng học sinh, trẻ em, cán bộ, giáo viên, nhân viên và điều chỉnh tiền lương làm căn cứ tính phụ cấp.

(Chi tiết theo Biểu số 02 kèm theo)

III. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP CỦA CHÍNH SÁCH

Các chính sách đang thực hiện trên địa bàn xã cơ bản phù hợp với kết quả phân định giai đoạn 2026 - 2030 và điều kiện thực tế của địa phương; được triển khai kịp thời, đúng đối tượng, đúng chế độ, góp phần hỗ trợ trẻ em, học sinh người dân tộc thiểu số đến trường, duy trì sĩ số, nâng cao chất lượng giáo dục, thu hút và ổn định đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên y tế công tác lâu dài tại vùng đặc biệt khó khăn.

Không có chính sách thay đổi về phạm vi địa bàn, đối tượng thụ hưởng hoặc kinh phí thực hiện do kết quả phân định theo Nghị định số 272/2025/NĐ-CP. Các chính sách được đề xuất tiếp tục thực hiện.

IV. ĐỀ XUẤT MÔ HÌNH THIẾT KẾ CHÍNH SÁCH

- Tiếp tục xác định phạm vi thụ hưởng theo xã khu vực III đối với các chính sách hỗ trợ trẻ em, học sinh và chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, bảo đảm toàn bộ đối tượng trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn được thụ hưởng, tránh phân biệt giữa các thôn trong cùng một xã có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng.

- Việc xác định phạm vi thụ hưởng theo cấp thôn chỉ nên áp dụng đối với các xã khu vực I, khu vực II; đối với xã khu vực III cần cân nhắc kỹ, vì các thôn không

còn đặc biệt khó khăn trên địa bàn xã vẫn còn nhiều khó khăn về giao thông, thu nhập và tỷ lệ hộ nghèo.

- Ưu tiên mức hỗ trợ cao hơn đối với trẻ em, học sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, trẻ em mồ côi, khuyết tật; bổ sung quy định chuyển tiếp đối với đối tượng thuộc thôn, xã không còn đặc biệt khó khăn để bảo đảm ổn định.

V. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ KIẾN NGHỊ

1. Khó khăn, vướng mắc

- Nhiều văn bản quy định chính sách được thay thế, bổ sung trong thời gian ngắn (Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, Nghị định số 238/2025/NĐ-CP, Nghị định số 66/2025/NĐ-CP, Nghị định số 277/2025/NĐ-CP), có chính sách chồng lấn về đối tượng, gây khó khăn cho cơ sở trong việc xác định đối tượng, lập hồ sơ và thanh quyết toán.

- Kinh phí thực hiện một số chính sách được cấp chưa kịp thời; đội ngũ làm công tác chính sách tại cơ sở còn kiêm nhiệm nhiều việc.

2. Kiến nghị

- Đề nghị tiếp tục duy trì ổn định các chính sách đối với xã khu vực III giai đoạn 2026 - 2030; có quy định chuyển tiếp rõ ràng đối với các thôn không còn là thôn đặc biệt khó khăn.

- Đề nghị cơ quan có thẩm quyền ban hành hướng dẫn thống nhất, tránh chồng chéo giữa các chính sách hỗ trợ trẻ em, học sinh; bố trí kinh phí kịp thời để cơ sở triển khai thực hiện.

Ủy ban nhân dân xã Ba Vinh kính báo cáo Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Quảng Ngãi xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Quảng Ngãi.
- TT Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- UBMTTQVN, các Tổ chức CT-XH xã;
- Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị;
- Phòng VH-XH xã;
- Lưu: VT, VHXH(pvv).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Thị Thanh Thúy